

Ngày	67,100 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.1%	3.2%	6.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	57,412 - 69,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	637
Số lượng CPLH (CP)	9,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,885
Sở hữu nước ngoài	3.0%
Beta	0.03
EPS	5,619
P/E	11.9

DT thuần

Q1/24

19.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.2| -38.7%

YoY: ▼6.00| -23.8%

LN trước thuế

Q1/24

13.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.00| -30.4%

YoY: ▼5.90| -30.0%

LN sau thuế

Q1/24

10.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.70| -30.1%

YoY: ▼4.70| -30.1%

ROA

2023

43.4%

+/- YoY: ▼ 2.9%

DT thuần

2023

105

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.00| -7.0%

LN trước thuế

2023

72.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.90| -6.3%

LN sau thuế

2023

58.0

tỷ VNĐ

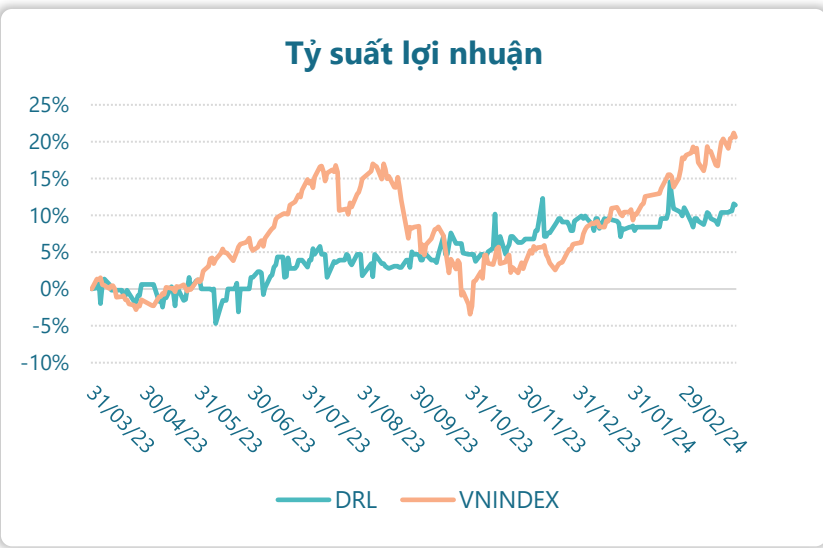
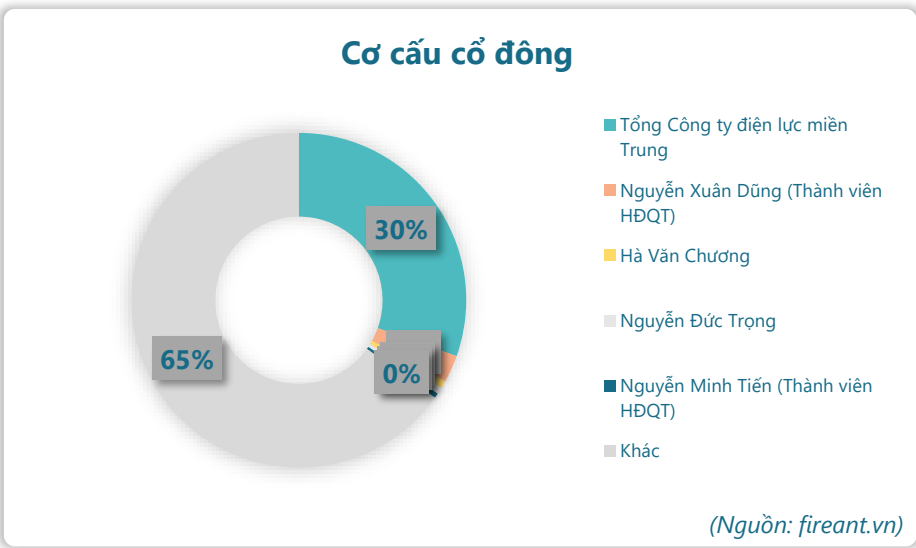
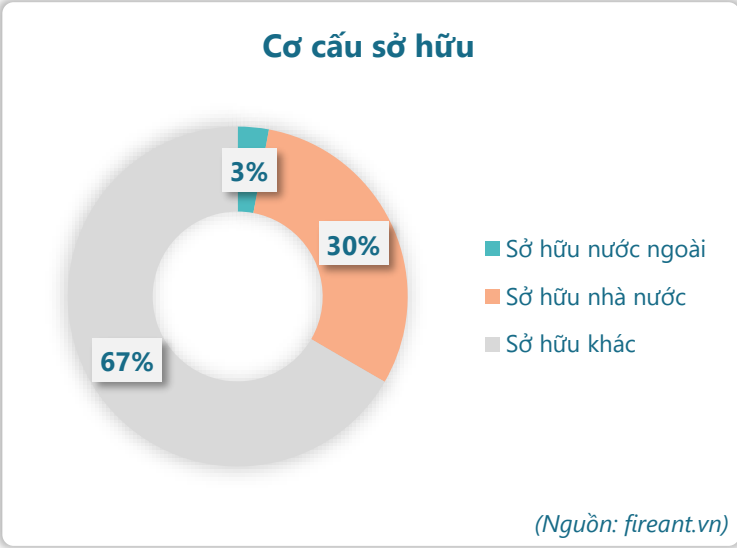
YoY: ▼4.00| -6.4%

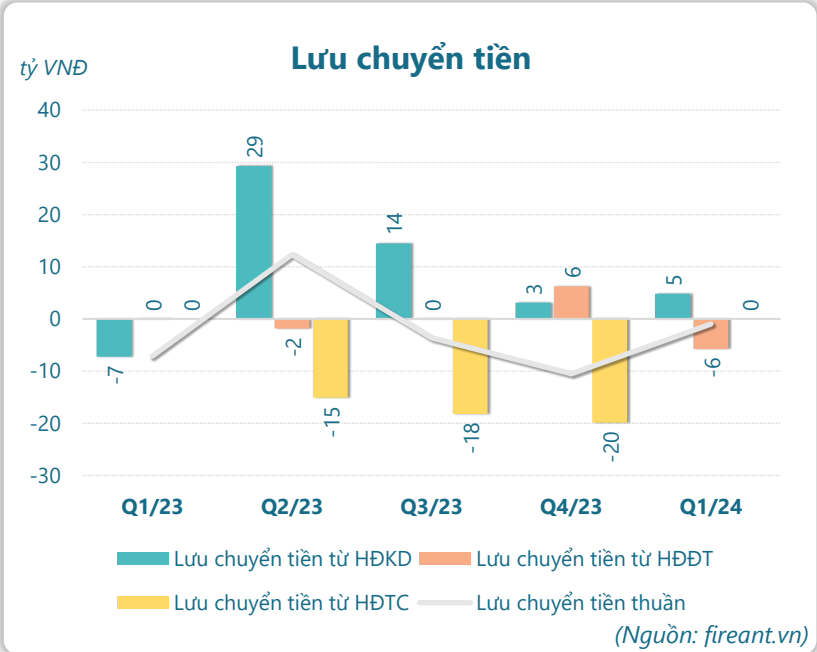
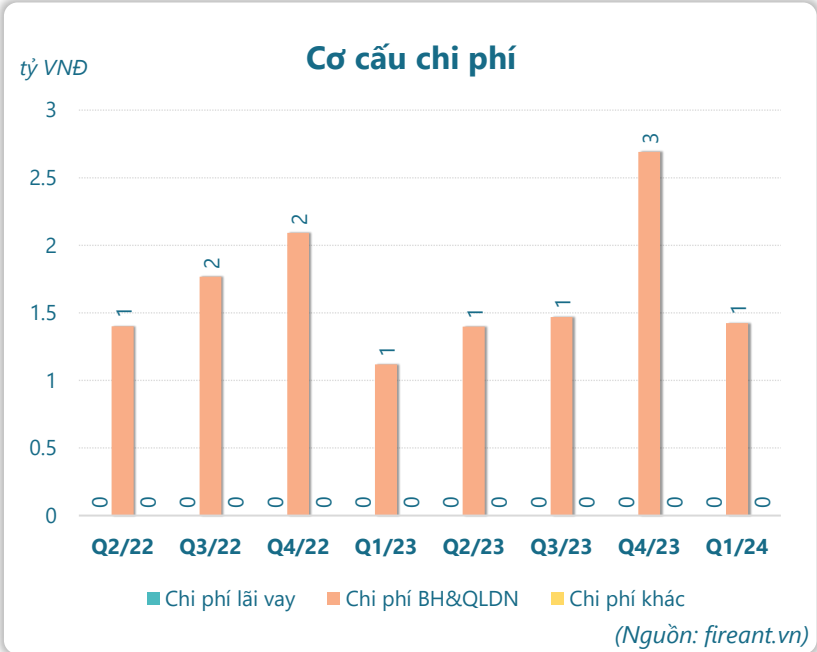
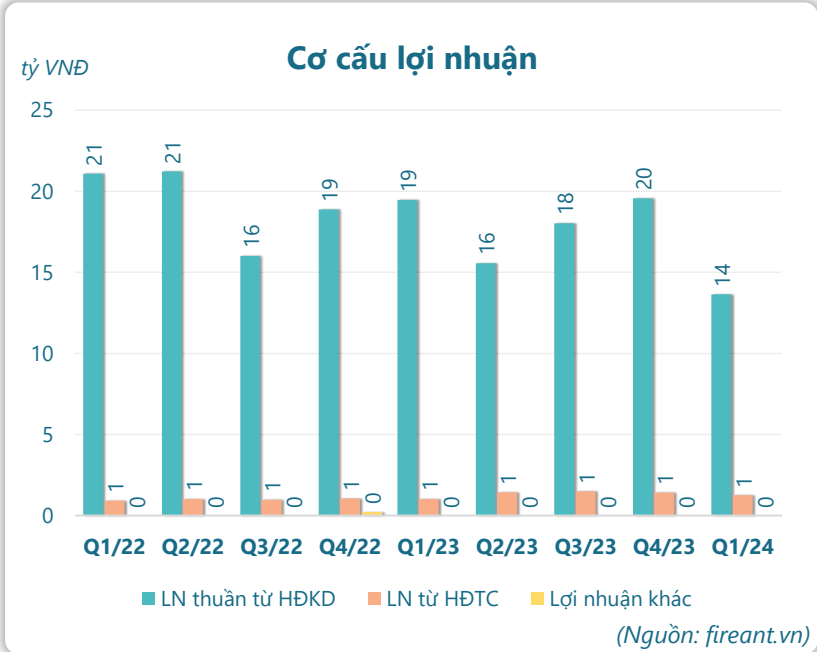
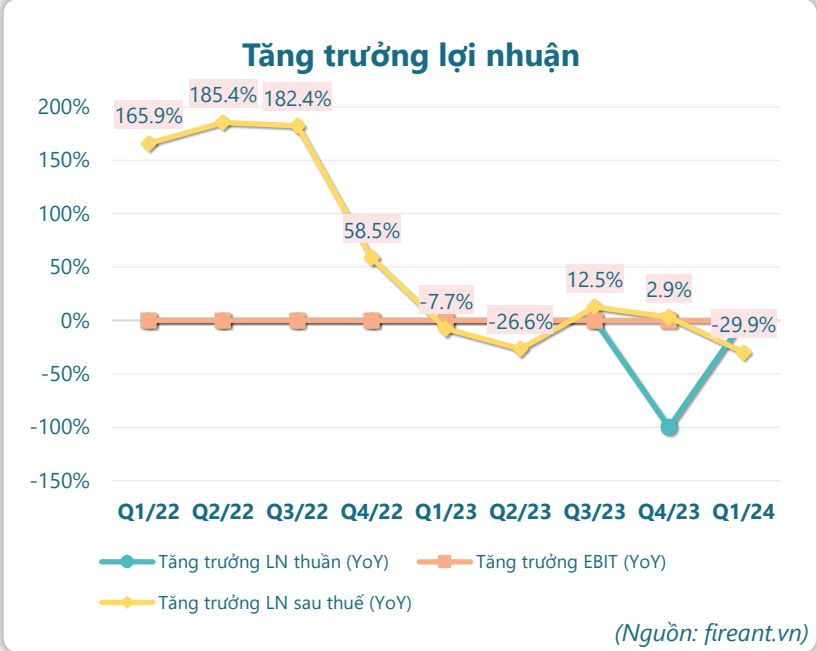
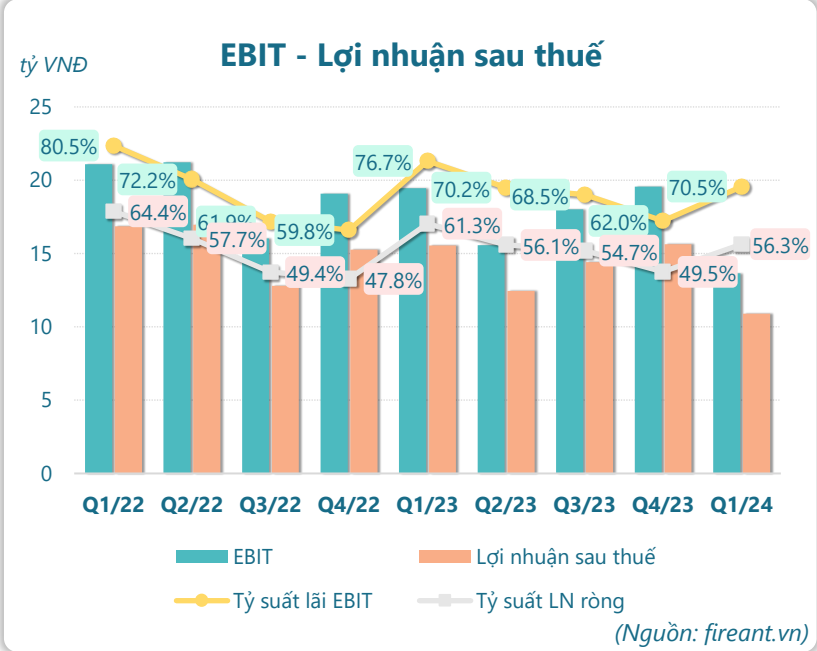
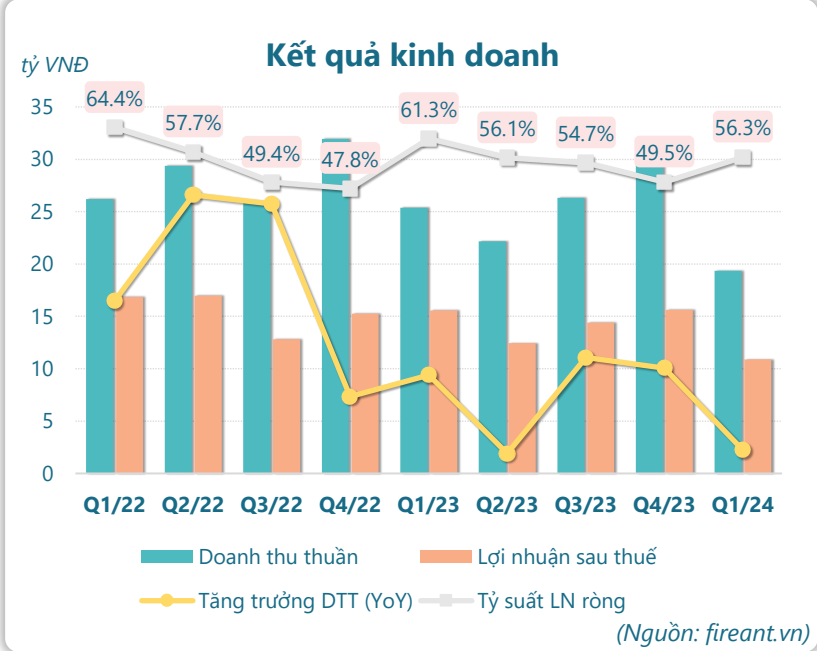
ROE

2023

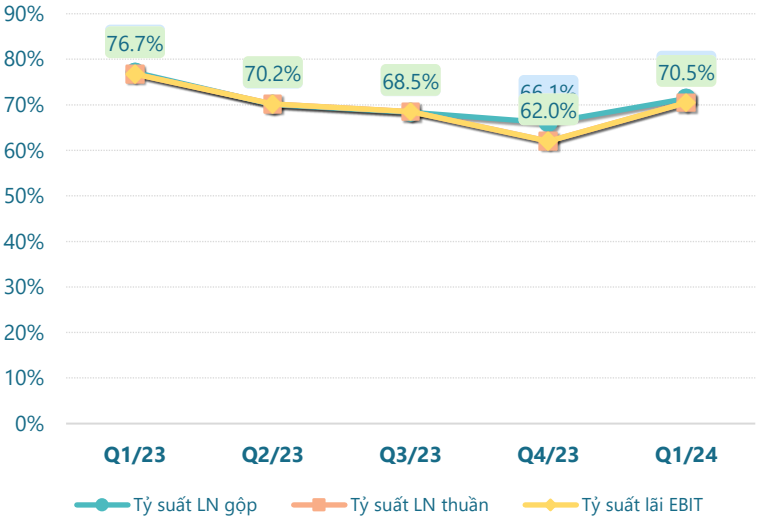
49.7%

+/- YoY: ▼ 2.3%



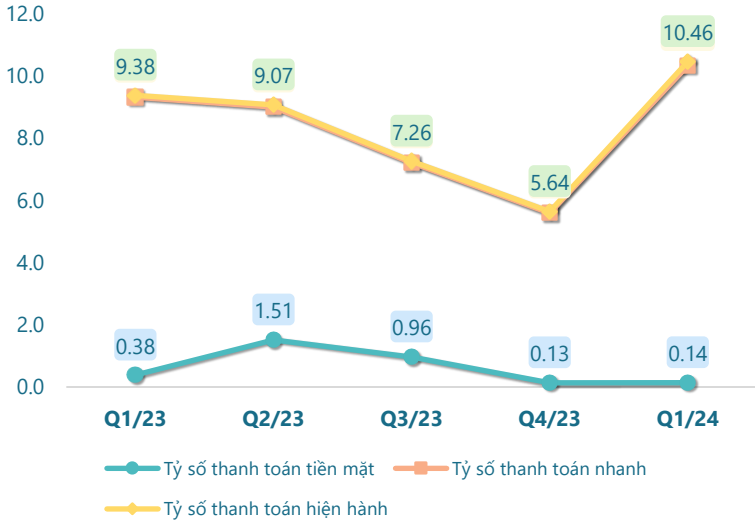


Tỷ suất lợi nhuận



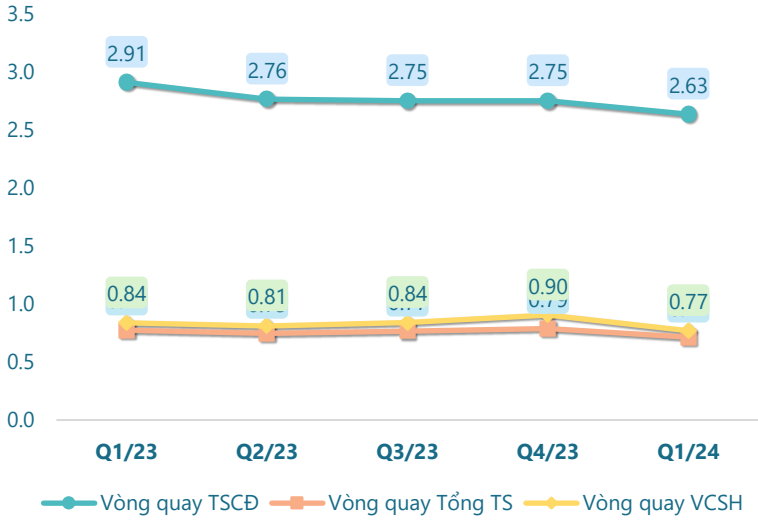
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



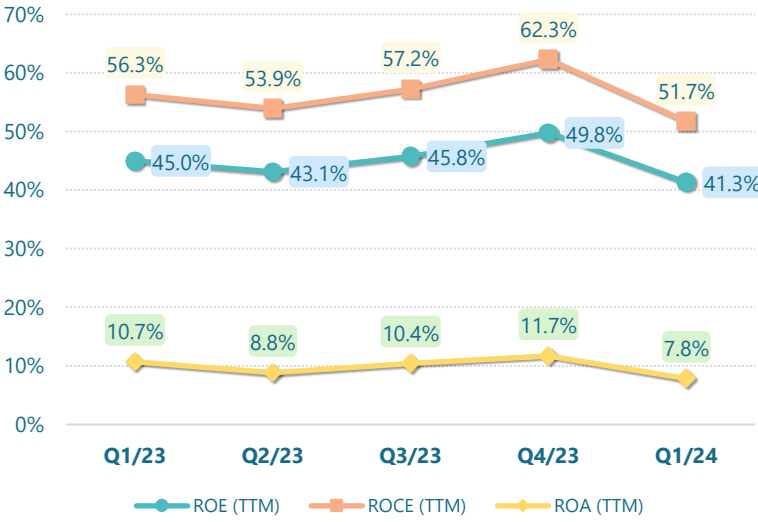
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



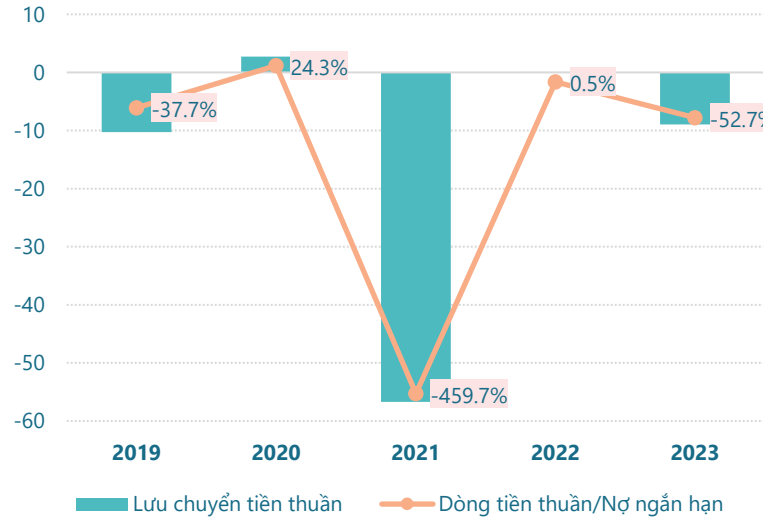
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



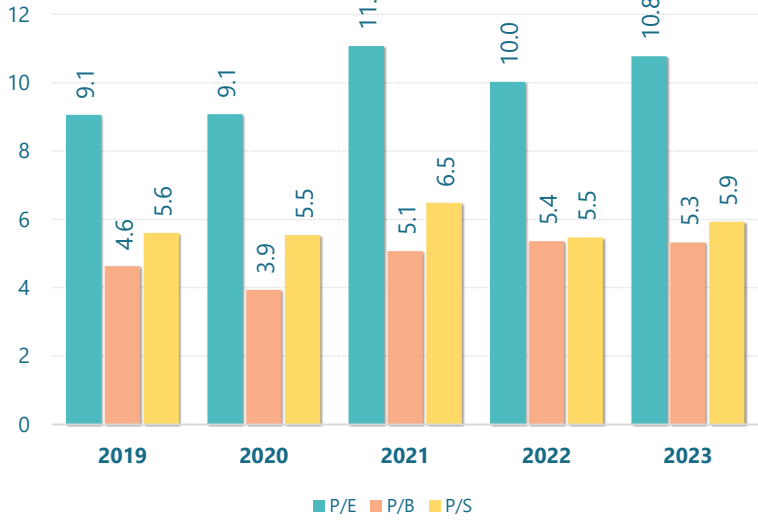
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)